

# Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ theo phương thức PPP trên địa bàn tỉnh Long An

ĐẶNG HOÀNG TUẤN\*

**Tóm tắt**

Bài viết tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ (HTGTĐB) theo phương thức PPP trên địa bàn tỉnh Long An. Thông qua phân tích hồi quy, kết quả chỉ ra mức độ ảnh hưởng các nhân tố theo trình tự từ cao đến thấp lần lượt là: Hệ thống văn bản pháp lý quản lý dự án PPP; Mô hình, nội dung quy trình và phương thức quản lý dự án PPP; Năng lực con người tham gia các dự án PPP; Công tác quản lý tài chính dự án; Môi trường đầu tư dự án PPP; Công tác quản lý rủi ro dự án PPP.

**Từ khóa:** quản lý nhà nước, dự án, đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đường bộ, phương thức PPP

**Summary**

The article explores the factors affecting state management of PPP road infrastructure investment projects in Long An province. Through regression analysis, the results show the level of influence of the factors in order from high to low, respectively: Legal document system for PPP project management; Model, content, process, and method of PPP project management; Human capacity participating in PPP projects; Project financial management; PPP project investment environment; PPP project risk management.

**Keywords:** state management, project, road infrastructure investment, PPP method

**ĐẶT VẤN ĐỀ**

Hiện nay, tỉnh Long An đang quản lý một dự án đầu tư theo phương thức PPP, cụ thể là dự án BOT nâng cấp mở rộng đường tỉnh ĐT830 và ĐT824 từ cầu An Thạnh đến thị trấn Đức Hòa, đang trong giai đoạn thu phí hoàn vốn. Tuy nhiên, do tính chất mới của phương thức đầu tư này, đối với chính quyền cấp tỉnh, quá trình quản lý thực hiện dự án đã gặp phải một số khó khăn nhất định, có thể kể đến như: thể chế điều chỉnh phương thức đầu tư PPP chưa hoàn chỉnh, đặc biệt là hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn triển khai thực hiện Luật PPP tại các tỉnh và ngành; các chủ thể tham gia chưa có kinh nghiệm; việc quản lý nguồn thu phí chưa chặt chẽ và minh bạch; công tác quản lý rủi ro kém, thiếu quy trình quản lý kinh tế...

Xuất phát từ những lý do nêu trên, nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP, nhất là đối với chính quyền cấp tỉnh, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến

quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB trên địa bàn tỉnh Long An là cần thiết.

**CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**Cơ sở lý thuyết và giả thuyết nghiên cứu**  
**Hệ thống văn bản pháp lý quản lý dự án PPP**

ADB (2008) khẳng định, mục tiêu của quản lý nhà nước đối với các dự án PPP là nhằm thu hút khu vực tư nhân thông qua hệ thống khung chính sách và pháp lý về PPP hoàn thiện. Nguyễn Thị Hồng Minh (2016) cũng nhấn mạnh, để dự án PPP thành công, thì hành lang pháp lý là một trong những nhân tố tiên quyết. Do vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất như sau:

**H1:** Hệ thống văn bản pháp lý quản lý dự án PPP có tác động thuận chiều đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An.

\* Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Long An

Ngày nhận bài: 05/8/2024; Ngày phản biện: 20/9/2024; Ngày duyệt đăng: 05/10/2024

Mô hình, nội dung quy trình và phương thức quản lý dự án PPP

Mô hình, nội dung quy trình và phương thức quản lý dự án PPP cũng là một trong những nhân tố quan trọng. Khulumane John Maluleka (2008) cho rằng, cần có một cơ quan chuyên biệt đại diện quản lý nhà nước về PPP, quy định rõ về mô hình quản lý, vai trò, trách nhiệm, quy trình và phương thức quản lý đối với cơ quan công quyền. Do vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất là:

H2: Mô hình, nội dung quy trình và phương thức quản lý dự án PPP có tác động thuận chiều đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An.

**Năng lực con người tham gia các dự án PPP**  
Con người là nhân tố trực tiếp tham gia và điều hành quản lý các dự án PPP, năng lực con người góp phần mang đến dự thành công hoặc thất bại của phương thức đầu tư này (Grimsey và cộng sự, 2004). Trình độ, năng lực của con người (thuộc nhà nước, lẫn khu vực tư nhân) tham gia dự án PPP tốt sẽ tác động tích cực đến hiệu quả dự án PPP và ngược lại (Khulumane John Maluleka, 2008. Từ đó, tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu sau:

H3: Năng lực con người tham gia các dự án PPP có tác động thuận chiều đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An.

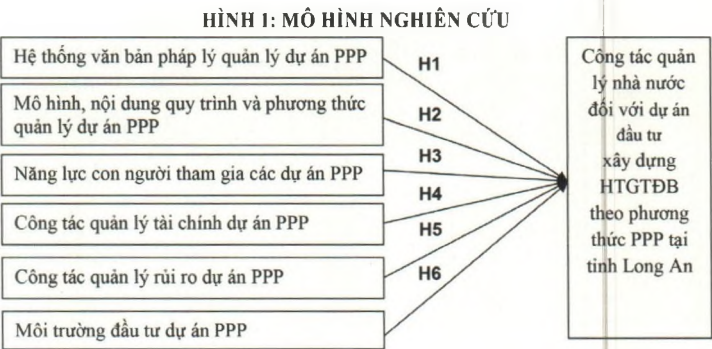
**Công tác quản lý tài chính dự án PPP**  
Đặng Thị Hà (2013), Hoàng Cao Liêm (2018) đều khẳng định, quản lý nguồn lực tài chính đóng vai trò quan trọng trong dự án. Do vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất là:

H4: Công tác quản lý tài chính dự án PPP có tác động thuận chiều đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An.

**Công tác quản lý rủi ro dự án PPP**  
Các dự án PPP nói chung là những dự án có tính đặc thù, như: nguồn vốn đầu tư lớn, thời gian thu hồi vốn dài..., nên luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro dưới nhiều góc độ về tài chính dự án, kỹ thuật công trình, an toàn lao động, chất lượng môi trường... Do đó, công tác quản lý rủi ro dự án PPP được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu (Lê Hương Linh, 2017; Phạm Thị Trang, 2019). Các tác giả này đều nhận định rằng, công tác quản lý rủi ro dự án PPP trên cơ sở hài hòa lợi ích giữa nhà nước và nhà đầu tư, cơ chế chia sẻ rủi ro (rủi ro về chính trị, thể chế chính sách, tài chính, khai thác vận hành dự án...) phải đảm bảo giữa các bên tham gia nhằm tăng tính thu hút khu vực kinh tế tư nhân. Do vậy, giả thuyết nghiên cứu được đề xuất là:

H5: Công tác quản lý rủi ro dự án PPP có tác động thuận chiều đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An.

**Môi trường đầu tư dự án PPP**  
Các dự án PPP lĩnh vực HTGTĐB là những dự án



Nguồn: Tác giả đề xuất

rất phức tạp trên nhiều khía cạnh: pháp lý, tài chính, kỹ thuật, công tác thu phí hoàn vốn, bảo trì công trình, bảo đảm an toàn và giảm thiểu tai nạn giao thông. Do vậy, để dự án PPP đạt hiệu quả, thì môi trường đầu tư phải đảm bảo, cụ thể là: thể chế chính trị ổn định; hành lang pháp lý chặt chẽ; cơ chế chia sẻ rủi ro giữa nhà nước và nhà đầu tư hài hòa, công bằng, minh bạch (Huang và cộng sự, 2009). Từ đó, tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu:

H6: Môi trường đầu tư dự án PPP có tác động thuận chiều đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An.

**Mô hình nghiên cứu**  
Dựa trên cơ sở lý thuyết, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu (Hình 1) với biến phụ thuộc là Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An và các biến độc lập gồm: Hệ thống văn bản pháp lý quản lý dự án PPP (HTVB); Mô hình, nội dung quy trình và phương thức quản lý dự án PPP (MHPT); Năng lực con người tham gia các dự án PPP (NLQL); Công tác quản lý tài chính dự án PPP (QLTC); Công tác quản lý rủi ro dự án PPP (QLRR); Môi trường đầu tư dự án PPP (MTĐT).

**Phương pháp nghiên cứu**  
Để xây dựng phương trình hồi quy đa biến thể hiện mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An, tác giả tiến hành điều tra khảo sát các đối tượng có kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý dự án PPP xây dựng HTGTĐB, các doanh nghiệp vận tải, người sử dụng dịch vụ đối với dự án PPP. Khảo sát được thực hiện trong năm 2023. Tác giả phát ra 250 phiếu khảo sát, thu về 250 phiếu hợp lệ. Dữ liệu sau khi mã hóa được xử lý bằng phần mềm SPSS20. Tác giả sử dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu như: đánh giá độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach’s Alpha; phân tích nhân tố khám phá (EFA); phân tích tương quan Pearson và hồi quy đa biến.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Phân tích độ tin cậy thang đo**  
Kết quả nghiên cứu cho thấy, các hệ số Cronbach’s Alpha của các biến đều trên 0,6. Hơn nữa, hệ số tương

BẢNG 1: KẾT QUẢ PHÂN TÍCH HỒI QUY ĐA BIẾN

| Mô hình    | Hệ số chưa chuẩn hóa |              | Hệ số chuẩn hóa | t     | Sig.  | Thống kê đa cộng tuyến |       |
|------------|----------------------|--------------|-----------------|-------|-------|------------------------|-------|
|            | B                    | Sai số chuẩn | Beta            |       |       | Tolerance              | VIF   |
| (Constant) | 0,041                | 0,152        |                 | 0,268 | 0,789 |                        |       |
| HTVB       | 0,237                | 0,032        | 0,299           | 7,411 | 0,000 | 0,805                  | 1,242 |
| MHPT       | 0,235                | 0,035        | 0,285           | 6,780 | 0,000 | 0,740                  | 1,351 |
| 1 NLQL     | 0,219                | 0,034        | 0,282           | 6,469 | 0,000 | 0,692                  | 1,445 |
| QLTC       | 0,124                | 0,035        | 0,159           | 3,543 | 0,000 | 0,650                  | 1,539 |
| MTĐT       | 0,090                | 0,035        | 0,121           | 2,603 | 0,010 | 0,608                  | 1,645 |
| QLRR       | 0,063                | 0,031        | 0,089           | 2,053 | 0,041 | 0,698                  | 1,433 |

BẢNG 2: MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC NHÂN TỐ ĐẾN BIẾN PHỤ THUỘC

| STT | Tên nhân tố                                                   | Hệ số β chuẩn hóa | Mức độ ảnh hưởng |
|-----|---------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| 1   | Hệ thống văn bản pháp lý quản lý dự án PPP                    | 0,299             | 1                |
| 2   | Mô hình, nội dung, quy trình và phương thức quản lý dự án PPP | 0,285             | 2                |
| 3   | Năng lực con người tham gia quản lý nhà nước các dự án PPP    | 0,282             | 3                |
| 4   | Công tác quản lý tài chính dự án PPP                          | 0,159             | 4                |
| 5   | Môi trường đầu tư dự án PPP                                   | 0,121             | 5                |
| 6   | Công tác quản lý rủi ro dự án PPP                             | 0,089             | 6                |

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu

quan tổng của các biến cũng đều vượt mức 0,3. Do đó, tất cả các biến quan sát đều đạt yêu cầu và được sử dụng trong bước phân tích EFA.

Phân tích EFA

Kết quả phân tích EFA các biến độc lập cho thấy, kiểm định Bartlett có giá trị Sig. < 0,05, nên các biến quan sát có tương quan với nhau trong tổng thể. Bên cạnh đó, hệ số KMO > 0,5, đủ điều kiện để phân tích. Các giá trị Eigenvalue > 1.

Kết quả phân tích EFA biến phụ thuộc cho thấy, hệ số nhân tố KMO > 0,5, kiểm định Bartlett có ý nghĩa về mặt thống kê (Sig. < 0,05), nên có thể kết luận các biến quan sát có tương quan trong tổng thể, thỏa mãn điều kiện để phân tích nhân tố. Hệ số Eigenvalue > 1, các hệ số tải nhân tố đều > 0,5, đạt yêu cầu.

Như vậy, sau khi phân tích EFA, có 42 biến quan sát rút trích thành 6 biến độc lập và 1 biến quan sát rút trích thành 1 biến phụ thuộc.

Phân tích tương quan Pearson

Theo kết quả tính toán của tác giả, các giá trị Sig. đều < 0,05, vì thế có thể khẳng định, hệ số tương quan Pearson giữa biến độc lập và biến phụ thuộc có ý nghĩa. Nói cách khác, biến phụ thuộc có mối tương quan tuyến tính với các biến độc lập. Nhóm tác giả tiếp tục đưa tất cả các biến vào phân tích hồi quy.

Phân tích hồi quy

Kết quả phân tích hồi quy đa biến được trình bày tại Bảng 1 cho thấy, tất cả các biến đều có tác động lên biến phụ thuộc do Sig. < 0,05. Hệ số VIF của các biến độc lập đều < 5, nên không có đa cộng tuyến xảy ra.

Phương trình hồi quy đa biến có dạng như sau:

$$QLNN\ DA\ PPP = 0,299*HTVB + 0,285*MHPT + 0,282*NLQL + 0,159*QLTC + 0,121*MTĐT + 0,089*QLRR\ (1)$$

Phương trình hồi quy cho thấy, hệ số hồi quy của các biến đều dương, chứng tỏ các biến đều có tác động tích cực lên Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An. Dựa vào hệ số β, tác giả xác định mức độ ảnh hưởng của các biến tại Bảng 2.

KẾT LUẬN

Bài viết đã xác định các nhân tố ảnh hưởng đến Công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư xây dựng HTGTĐB theo phương thức PPP tại tỉnh Long An, theo mức độ quan trọng từ cao đến thấp lần lượt là: Hệ thống văn bản pháp lý quản lý dự án PPP; Mô hình, nội dung quy trình và phương thức quản lý dự án PPP; Năng lực con người tham gia quản lý nhà nươc các dự án PPP; Công tác quản lý tài chính dự án; Môi trường đầu tư dự án PPP; Công tác quản lý rủi ro dự án PPP.

Từ kết quả trên, tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP trong xây dựng HTGTĐB tại tỉnh Long An trong thời gian tới:

**Thứ nhất**, tổ chức xây dựng hệ thống văn bản hướng dẫn của tỉnh Long An về hoạt động đầu tư theo phương thức PPP áp dụng cho lĩnh vực xây dựng HTGTĐB. Khung chính sách toàn diện phải đảm bảo thực hiện tốt các vấn đề sau: khung pháp lý đáp ứng khả năng xử lý tính chất và mức độ hỗ trợ của Chính phủ cho các dự án quan hệ đối tác công tư giữa các ngành tại tỉnh Long An; thiết lập quan hệ hợp tác công bằng, minh bạch, linh hoạt, có khả năng tiên liệu và đáp ứng cho quan hệ đối tác công tư; xây dựng cơ chế đánh giá, đo lường, giám sát và thẩm định ngay từ đầu xem phương thức PPP có phải là phương án vốn phù hợp hay không, tiên liệu về rủi ro trong giải phóng mặt bằng tuân thủ các biện pháp đảm bảo về mặt môi trường và xã hội.

**Thứ hai**, hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước về quản lý các dự án đầu tư theo phương thức PPP tại tỉnh Long An. Xây dựng mô hình quản lý nhà nước được phân cấp quản lý theo ngành, nhưng đề thống nhất mọi hoạt động đúng mục tiêu phải là cơ quan chuyên môn (chuyên trách PPP). Đảm bảo hoàn thiện theo hướng tăng phân quyền, tăng chuyên môn hóa trên cơ sở phân định rõ vai trò, chức năng, trách nhiệm giữa các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan quản lý chuyên môn, nhằm nâng cao hiệu lực nhà nước, đảm bảo sự công bằng và khả năng thành công của dự án.

**Thứ ba**, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn về quản lý dự án PPP. Trong giai đoạn vừa qua, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý các dự án PPP trên địa bàn tỉnh Long An vừa thiếu, vừa ít kinh nghiệm, chưa nắm sâu chuyên môn, chưa đáp ứng được yêu cầu triển khai các dự án PPP từ giai đoạn nghiên cứu, chuẩn bị dự án cho đến quá trình triển khai, khai thác, vận hành dự án. Do vậy, các đối tượng này cần được quan tâm, đào tạo chuyên sâu bao gồm: xây dựng chiến lược, quy hoạch; xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế chính sách, pháp luật; giám

sát và đánh giá dự án; lựa chọn dự án; lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi; lựa chọn nhà đầu tư; hợp đồng dự án; quản lý rủi ro dự án. Đối với cán bộ thuộc khu vực nhà đầu tư tư nhân cần đào tạo chuyên sâu về quản lý kế hoạch, chất lượng, tiến độ, chi phí, an toàn...

**Thứ tư**, hoàn thiện cơ chế tài chính ngân sách đối với dự án PPP, đây được xem là vấn đề hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh đó, cần kiểm soát cơ chế quản lý vốn đối với dự án đầu tư theo phương thức PPP thông qua tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình, hạn chế sự xâm lấn lợi ích công và giảm thiểu tối đa tình trạng lợi ích nhóm.

**Thứ năm**, hoàn thiện môi trường đầu tư cho các dự án PPP. Tỉnh Long An cần cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu là tỉnh có chất lượng điều hành kinh tế tốt của cả nước. Nghiên cứu đổi mới phương thức hoạt động của đơn vị xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng các hình thức xúc tiến đầu tư. Chuyển từ thu hút đầu tư bị động sang thu hút đầu tư chủ động và có chọn lọc các dự án đầu tư. Tăng cường sự phối hợp, liên kết với các cơ quan trung ương để hỗ trợ nghiệp vụ và tiếp xúc với các nhà đầu tư lớn nhằm phát huy lợi thế vùng. Đồng thời, cần có sự phối hợp với các địa phương khác, giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội trong công tác xúc tiến đầu tư.

Mặt khác, cần nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ công tác địa phương về tiếp nhận và xử lý thông

tin, phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư về khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Đặc biệt, xử lý những thông tin phản ánh của doanh nghiệp, nhà đầu tư về các điều kiện không thuận lợi, về tính không chuyên nghiệp của đội ngũ Trung tâm Xúc tiến đầu tư Tỉnh, về hành vi gây phiền hà, sách nhiễu của cán bộ công chức trong thực thi công vụ và những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư trong quá trình đầu tư, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Long An.

**Thứ sáu**, hoàn thiện công tác quản lý rủi ro dự án PPP. Để giảm thiểu rủi ro trong quá trình đàm phán hợp đồng cần thực hiện các bước công việc sau:

*Giai đoạn thực hiện dự án:*

- Nhận diện rủi ro có thể xảy ra kể cả khách quan, chủ quan.
- Phân tích rủi ro và xác định chủ thể chịu trách nhiệm.
- Theo dõi chặt chẽ các quá trình thực hiện dự án nhằm sớm phát hiện rủi ro có thể xảy ra, lên phương án xử lý ngăn chặn kịp thời.
- Xác định và phân bổ chủ thể chịu trách nhiệm trước khi quyết toán khối lượng xây dựng.

*Giai đoạn khai thác công trình:*

- Xây dựng quy trình thực hiện trước khi khai thác.
- Thống nhất rủi ro có thể xảy ra trong các giai đoạn kể cả thu phí thử nghiệm.
- Phân bổ rủi ro về kỹ thuật và tài chính.
- Quyết toán rủi ro phân bổ vào quyết toán công trình. □

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. ADB (2008), *Public-Private Partnerships Handbook*, Asian Development Bank, Philippines.
2. Đặng Thị Hà (2013), Hợp tác đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông thành công - kinh nghiệm của một số nước, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, 9.
3. Grimsey, D., Lewis, M. K. (2004), The governance of contractual relationships in public - private partnerships, *Journal of Corporate Citizenship*, 15, 91-109.
4. Hoàng Cao Liêm (2018), *Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu HTGTĐB từ NSNN tại tỉnh Hà Nam*, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
5. Huang Y, Bird R, Bell M (2009), A comparative study of the emissions by road maintenance works and the disrupted traffic using life cycle assessment and micro-simulation, *Transportation Research. Part D: Transport & Environment*, 14(3), 197-204.
6. Khulumane John Maluleka (2008), *Transport economic regulatory intervention in the transport infrastructure: a public private partnership exploratory study*, Doctorthesis, University of South Africa.
7. Le Manh Tuong, Le Hoài Linh, Dang Hoang Tuan et al (2021), Assessment on Vietnam's Transport Infrastructure Development Investment under the mode of Public-Private Partnership - Proposing Solutions, *Int J Sci Res Civ Eng*, 5(5), 156-163.
8. Le Manh Tuong, Le Hoài Linh, Dang Hoang Tuan (2022), The Transport Infrastructure Investment in form of Public-Private Partnership in Vietnam - Current Situations and Recommendations, *Int J Eng Res Technol*, 11(5).
9. Lê Hương Linh (2017), *Rủi ro trong quản lý nhà nước đối với đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) lĩnh vực giao thông đường bộ, nhận diện và giải pháp*, Đề tài khoa học cấp bộ, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Hồng Minh (2016), *Quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong xây dựng HTGTĐB Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
11. Phạm Thị Trang (2019), *Quản lý rủi ro dự án đầu tư xây dựng CSHTKT theo hình thức PPP tại TP. Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ, Đại học Xây dựng.